

Bản án số: 51/2026/HS – ST
Ngày: 26 – 01 – 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hoàng Thị Vân

2/ Ông Đặng Văn Ân

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xét xử hình sự thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2026/TLST – HS ngày 13/01/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2026/QĐXXST – HS ngày 14/01/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Võ Văn D (tên gọi khác khác: Nguyễn Văn D), sinh năm 1987, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: Không nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Võ Văn K; họ và tên mẹ: (không rõ); hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 10/8/2006, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 113/2006/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/9/2007. Chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền sự: Ngày 25/5/2023, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 324/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng. Chấp hành xong Quyết định ngày 04/3/2025.

Nhân thân:

Ngày 16/4/2008, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 29/2008/HSST. Chấp hành xong

hình phạt tù ngày 24/7/2008. Đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 26/3/2009.

Ngày 22/5/2009, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 190/2009/HSST. Đã nộp án phí và nộp tiền bồi thường dân sự cho bị hại.

Ngày 29/9/2009, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với hình phạt 06 năm tù tại bản án số 190/2009/HSST của Tòa án nhân dân Quận A, tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 07 năm tù theo Bản án số 422/2009/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/11/2015. Đã nộp án phí 200.000 đồng vào ngày 15/11/2010.

Ngày 16/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 87/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng. Chấp hành xong Quyết định ngày 18/10/2017.

Ngày 28/01/2019, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 87/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 22 tháng. Chấp hành xong Quyết định ngày 08/9/2020.

Ngày 27/01/2022, bị Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A ra Quyết định số 85/QĐ-UBND đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2 để quản lý cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 13/5/2022, Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A ra Quyết định số 313/QĐ-UBND hủy Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 do hết thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng chưa xác định được tình trạng cư trú của Nguyễn Văn D.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2025 (có mặt).

2. Họ và tên: Đoàn Trọng N, sinh năm 1983, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: C13/Đ70 ấp A4, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Trần Hữu N; họ và tên mẹ: Đoàn Thị T (đã chết); hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con (tại phiên tòa bị cáo khai có vợ tên Cao Thị Mỹ L (đã ly hôn vào năm 2013) có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2008)

Tiền án: Không.

Tiền sự:

Ngày 13/10/2017, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 347/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 20 tháng. Chấp hành xong ngày 10/4/2019.

Ngày 25/9/2020, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 523/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng. Chấp hành xong ngày 17/01/2022.

Ngày 16/01/2023, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 34/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng. Chấp hành xong ngày 30/01/2024.

Nhân thân:

Ngày 23/8/2004, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, theo Bản án số 107/HSST. Ngày 15/10/2004, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm theo Bản án số 418/HSPT. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/10/2006. Đã đóng án phí ngày 16/12/2004.

Ngày 07/9/2010, bị Công an xã B, huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6220/QĐ-XPHC số tiền 1.500.000 đồng về hành vi dùng hung khí đánh nhau gây mất an ninh trật tự. Đã đóng phạt ngày 03/12/2010.

Ngày 15/02/2011, bị Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 640/QĐUB đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 24 tháng. Chấp hành xong ngày 01/8/2012.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2025 (có mặt).

Bị hại: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Kê B2/37K, khu phố 2, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn dân sự: Hộ kinh doanh T.

Địa chỉ: C3/12 Phạm H, ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hộ kinh doanh: Ông Lê Thiên P, sinh năm 1991

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Việt A, sinh năm: 1995 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 636 Hồng B, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông Trần Đình D1, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: C3/12 Phạm H, ấp 34, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nguyễn Quốc H1, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 97/3 ấp A, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm: 2003 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 327/12 ấp A, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Ông Dư Quang H2, sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Nơi cư trú: B6/162/2 ấp 30, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Ông Lê Nguyễn Hoàng T1, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Nhà không số kế địa chỉ 23B1, xã P, tỉnh Tây Ninh.

6/ Ông Trần Văn T2, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Prey Chóp B, xã L, Thành phố Cần Thơ.

7/ Ông Dương Tấn L, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Tân H, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Văn D và H (không rõ lai lịch) là bạn bè ngoài xã hội. Vào khoảng 01 giờ ngày 13/4/2025, D và H đang ngồi chơi tại cầu Ông B thuộc ấp A4, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh thì H rủ D đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, D đồng ý. D giao xe mô tô hiệu Dream biển số 64H6 – 2946 cho H điều khiển chở D đi qua nhiều tuyến đường tìm tài sản của người khác để trộm cắp. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, khi đến trước nhà không số, Khu phố 2, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, H nhìn qua cửa rào phát hiện có xe mô tô đậu bên trong sân nhà, H liền dừng xe cách đó khoảng 05 mét rồi xuống xe lấy cây vít ba ke để ở túi đeo chéo trước ngực cầm trên tay. Tiếp đó, H trèo lên cửa rào đột nhập vào trong sân nhà, còn D thì đứng ở ngoài cảnh giới. Khoảng 02 phút sau, H quay ra mở cổng cho D vào và chỉ cho D thấy chiếc xe SH Mode, biển số 50Y1 178.63 của ông Trần Văn H đang dựng trong sân nhà nên D đi vào lấy xe dẫn ra ngoài đường đưa cho H. Sau đó, H bật mở khóa Smartkey của xe mô tô biển số 50Y1 – 178.63 nổ máy chạy đi, còn D điều khiển xe mô tô biển số 64H6-2946 chạy theo sau. Cả hai đến khách sạn Kim C thuộc Phường A, Quận A thuê phòng số 302 để nghỉ ngơi. Tại sảnh khách sạn, H mở cốp xe mô tô biển số 50Y1 – 178.63 thấy bên trong có 01 cái bóp nên cầm đem lên phòng 302. H mở bóp ra thì thấy chỉ có Giấy đăng ký xe mô tô biển số 50Y1 – 178.63 mang tên Trần Văn H.

Đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, D đi xuống cầu thang của khách sạn thì gặp bạn là Đoàn Trọng N thì N rủ D vào phòng 203 mà N thuê ở chơi. Tại phòng 203, D hỏi Nhân có biết chỗ nào cầm xe không và nói “Tao với H mới trộm được chiếc xe SH Mode” thì N hỏi có giấy tờ xe không thì D nói là có. Nghe vậy N đồng ý dẫn D đi cầm xe.

Đến khoảng 13 giờ 10 phút cùng ngày, N điều khiển xe Dream biển số 64H6 – 2946, D điều khiển xe mô tô biển số 50Y1 – 178.63 đến tiệm cầm đồ “T” địa chỉ C3/12, Phạm H, xã B gặp nhân viên là ông Trần Đình D1. Tại đây, N nói dối là xe của anh rở rồi cầm xe mô tô biển số 50Y1 – 178.63 cho ông D với giá 20.000.000 đồng. N giao lại tiền bán xe mô tô cho D rồi cả hai về lại khách sạn. Tại đây, D cho N chiếc xe mô tô Dream biển số 64H6 – 2946 để trả công cho N; D chia cho H 10.000.000 đồng tiền bán xe trộm cắp rồi cả hai trả phòng khách sạn và bỏ đi.

Sau khi phát hiện bị mất trộm xe mô tô, ông Trần Văn H đã đến Công an thị trấn T trình báo. Quá trình truy xét, Công an thị trấn T phối hợp Công an Thành phố Hồ Chí Minh đưa Võ Văn D, Đoàn Trọng N về trụ sở làm việc. Qua lời khai của D và Nhân, Cơ quan Công an đã tiến hành đến tiệm Cầm đồ T thu hồi xe mô tô biển số 50Y1-178.63.

Kết luận định giá tài sản số 881/KL-HĐĐGTS ngày 22/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B và Kết luận định giá tài sản số

534/KL-HĐĐGTS ngày 13/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự xã T xác định: 01 xe mô tô Honda SH Mode biển số 50Y1-178.63 trị giá 25.000.000 đồng; 01 cái bóp chất liệu giả da, màu đen dài khoảng 11cm, rộng khoảng 05cm, do không có hình ảnh, nhãn hiệu, kiểu dáng nên không có cơ sở định giá.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Võ Văn D và Đoàn Trọng N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp như nội dung đã nêu trên. Lời khai của D và Nhân phù hợp với lời khai của ông Trần Văn H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án:

01 xe mô tô SH Mode biển số 50Y1-178.63 cùng 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 50Y1-178.63; 01 xe mô tô Honda Winner biển số 59K2-539.61, số khung RLHKC3702KY015451, số máy KC34E1033964 thu giữ của Võ Văn D; 01 xe mô tô hiệu Dream, biển số 64H6-2946 do ông Trần Văn T2 giao nộp là phương tiện mà Võ Văn D sử dụng để đi trộm cắp tài sản vào ngày 13/4/2025; 01 bản sao Hợp đồng ủy quyền xe mô tô biển số 50Y1-178.63 do ông Trần Văn H giao nộp; 01 USB hiệu TOSHIBA chứa video do camera ghi lại tại hiện trường do ông Trần Văn H giao nộp; 01 USB hiệu DT101G2 4GB chứa video ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ án tại Khách sạn Kim C do bà Đỗ Thị X giao nộp; 01 USB hiệu ADATA 16GB chứa clip do camera ghi lại tại tiệm cầm đồ T do ông Trần Đình D1 giao nộp; 01 Hợp đồng cầm đồ ngày 13/4/2025 do ông Trần Đình D1 giao nộp.

Tại bản Cáo trạng số 228/CT – VKS – HS ngày 10 tháng 01 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Truy tố bị cáo Võ Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Truy tố bị cáo Đoàn Trọng N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa các bị cáo Võ Văn D, Đoàn Trọng N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo. Các bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị:

Xử phạt bị cáo Võ Văn D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Đoàn Trọng N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho Hộ kinh doanh T số tiền 20.000.000 đồng và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị hại ông Trần Văn H vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ, lời khai cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Đại diện ủy quyền của Hộ kinh doanh T là ông Mai Việt Anh vắng mặt tại phiên tòa, lời khai tại cơ quan điều tra ông yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường cho Hộ kinh doanh T số tiền 20.000.000 đồng đã cầm xe mô tô biển số 59Y1-178.63.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Võ Văn D, Đoàn Trọng N tại tòa hoàn toàn phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (BL: 200 – 211, 285 – 296); phù hợp với lời khai của các bị hại của ông Trần Văn H tại Cơ quan điều tra (BL: 101 – 103, 380 – 382); phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án; vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai; bản ảnh hiện trường, Kết quả định giá tài sản... cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 13/4/2025, bị cáo Võ Văn D cùng đồng phạm là H (không rõ lai lịch) đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda SH Mode biển số 50Y1-178.63 và 01 cái bóp tổng trị giá 25.000.000 đồng của ông Trần Văn H tại nhà không số, Khu phố 2, thị trấn T, huyện B (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (căn cứ vào Kết luận định giá tài sản số 881/KL-HĐĐGTS ngày 22/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B và Kết luận định giá tài sản số 534/KL-HĐĐGTS ngày 13/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự xã T xác định).

[3] Với những tình tiết được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Võ Văn D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và

hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Đối với bị cáo Đoàn Trọng N biết xe mô tô biển số 50Y1-178.63 là tài sản do bị cáo D cùng đồng phạm trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mang xe đến tiệm cầm đồ “T” cầm xe và được bị cáo D trả công bằng cách cho xe mô tô hiệu Dream, biển số 64H6-2946. Do đó, hành vi của bị cáo Đoàn Trọng N đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo với các tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[5] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn có tiền tiêu xài cho bản thân. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bản tính tham lam, biếng lười lao động nên các bị cáo cố ý phạm tội. Tội phạm các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, tạo tâm lý hoang mang cho nhân dân. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tính đến ngày phạm tội bị cáo D có 01 tiền án chưa được xóa, cụ thể: Ngày 10/8/2006, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 113/2006/HSST. Bị cáo chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, Hội đồng xét xử áp dụng điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo.

[7] Về nhân thân các bị cáo:

[7.1] Đối với bị cáo D: Ngoài tiền án là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì bị cáo có 01 tiền sự và nhân thân rất xấu, đã 05 lần bị kết án về nhóm tội xâm phạm sở hữu, cụ thể:

Về tiền sự: Ngày 25/5/2023, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 324/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng. Chấp hành xong Quyết định ngày 04/3/2025.

Về nhân thân: Ngày 16/4/2008, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 29/2008/HSST. Ngày 22/5/2009, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 190/2009/HSST Ngày 29/9/2009, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với hình phạt 06 năm tù tại bản án số 190/2009/HSST của Tòa án nhân dân Quận A, tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 07 năm tù theo Bản án số 422/2009/HSST. Ngày 16/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 87/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng. Ngày 28/01/2019, bị Tòa

án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 87/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 22 tháng. Ngày 27/01/2022, bị Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A ra Quyết định số 85/QĐ-UBND đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2 để quản lý cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 13/5/2022, Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A ra Quyết định số 313/QĐ-UBND hủy Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 do hết thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

[7.2] Đối với bị cáo N: Bị cáo có 03 tiền sự và nhân thân rất xấu, cụ thể:

Về tiền sự: Ngày 13/10/2017, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 347/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 20 tháng. Ngày 25/9/2020, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 523/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng. Ngày 16/01/2023, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 34/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng.

Về nhân thân: Ngày 23/8/2004, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, theo Bản án số 107/HSST. Ngày 15/10/2004, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm theo Bản án số 418/HSPT. Ngày 07/9/2010, bị Công an xã B, huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6220/QĐ-XPHC số tiền 1.500.000 đồng về hành vi dùng hung khí đánh nhau gây mất an ninh trật tự. Ngày 15/02/2011, bị Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 640/QĐUB đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 24 tháng.

Do đó, khi lượng Hội đồng xét xử lưu ý đến nhân thân, hành vi phạm tội của từng bị cáo mà có mức án nghiêm khắc.

[8] Đối với ông Trần Đình D1: Qua điều tra xác định ông D đã nhận cầm xe mô tô biển số 50Y1-178.63 của bị cáo Nhân, ông D không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Đối với người đàn ông tên H là đồng phạm cùng với bị cáo D trộm cắp tài sản. Qua điều tra do không rõ lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục làm rõ, xử lý sau, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Hội đồng xét xử áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt là phù hợp.

[11] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với xe mô tô SH Mode biển số 50Y1-178.63 cùng 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 50Y1-178.63 do ông Nguyễn Quốc H1 đứng tên chủ sở hữu. Ông H đã bán xe mô tô này cho ông Nguyễn Quốc T. Ngày 09/6/2022, ông Nguyễn Quốc T đã bán xe mô tô này cho ông Trần Văn H. Cơ quan điều tra đã trả xe mô tô và Giấy chứng nhận đăng ký xe cho bị hại ông Trần Văn H, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với xe mô tô Honda Winner biển số 59K2-539.61, số khung RLHKC3702KY015451, số máy KC34E1033964 thu giữ của Võ Văn D. Qua xác minh, xe mô tô này do bà Dư Kim H đứng tên chủ sở hữu. Bà H đã chết vào năm 2021. Qua làm việc, con ruột của bà H là ông Dư Quang H2 cho biết bà H có sở hữu xe mô tô này nhưng vào năm 2020 bà H đã bán cho người không rõ lai lịch, ông H không có yêu cầu gì đối với xe mô tô. Bị cáo Võ Văn D khai mượn xe của Lê Nguyễn Hoàng T1 để làm phương tiện đi lại, T1 khai chiếc xe mô tô này do 01 người phụ nữ tên T3 (không rõ lai lịch) đưa cho T1 sử dụng do T3 thiếu nợ T1 số tiền 7.500.000 đồng. Cơ quan Công an đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có ai liên hệ giải quyết. Do thời hạn đăng báo chưa đủ thời gian theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý mà tuyên tiếp tục giao xe này cho Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 đăng báo tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với xe mô tô hiệu Dream, biển số 64H6-2946 do ông Trần Văn T2 giao nộp là phương tiện mà bị cáo D sử dụng để đi trộm cắp tài sản vào ngày 13/4/2025. Bị cáo D đã cho bị cáo Nhân chiếc xe này để trả công việc đi cầm xe mô tô. Ngày 16/4/2025, Nhân đã bán xe cho ông Trần Văn T2 với giá 2.500.000 đồng nhưng ông Tài chỉ mới trả cho Nhân 2.000.000 đồng. Qua giám định xác định số khung, số máy đã mài mất số, không xác định được số nguyên thủy. Qua tra cứu thông tin, biển số 64H6-2946 được cấp cho xe mô tô khác mang nhãn hiệu WAYEC do ông Dương Tấn L đứng tên chủ sở hữu. Qua giám định biển số xe 64H6-2946 xác định không đủ cơ sở kết luận biển số xe là thật hay giả. Do xe không rõ nguồn gốc và bị cáo D làm phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 bản sao Hợp đồng ủy quyền xe mô tô biển số 50Y1-178.63 do ông Trần Văn H giao nộp; 01 USB hiệu TOSHIBA chứa video do camera ghi lại tại hiện trường do ông Trần Văn H giao nộp; 01 USB hiệu DT101G2 4GB chứa video ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ án tại Khách sạn Kim C do bà Đỗ Thị X giao nộp; 01 USB hiệu ADATA 16GB chứa clip do camera ghi lại tại tiệm cầm đồ T do ông Trần Đình D1 giao nộp; 01 Hợp đồng cầm đồ ngày 13/4/2025 do ông Trần Đình D1 giao nộp, sẽ tiếp tục hồ sơ vụ án.

[12] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Mai Việt A là người đại diện cho Hộ kinh doanh T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng đã cầm xe mô tô biển số 59Y1-178.63 cho các bị cáo. Tại phiên mỗi bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với bị hại ông Trần Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T2 không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Văn D

Căn cứ Khoản 1 Điều 323, Điều 38, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đoàn Trọng N.

Căn cứ điểm a Khoản 2, điểm b Khoản 3 Điều 106, Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Võ Văn D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 29/4/2025.

Xử phạt bị cáo Đoàn Trọng N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 29/4/2025.

Về vật chứng:

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô hiệu Dream, biển số 64H6-2946 (không xác định được số khung, số máy).

Giao Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh 01 xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 59K2-539.61, số khung RLHKC3702KY015451, số máy KC34E1033964 để đăng báo tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật.

(các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10, theo Biên bản giao nhận tang tài vật được lập vào ngày 28/8/2025 giữa Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 và Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

Tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án 01 bản sao Hợp đồng ủy quyền xe mô tô biển số 50Y1-178.63; 01 USB hiệu TOSHIBA chứa video do camera ghi lại tại hiện trường; 01 USB hiệu DT101G2 4GB chứa video ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ

án tại Khách sạn Kim C; 01 USB hiệu ADATA 16GB chứa clip do camera ghi lại tại tiệm cầm đồ T; 01 Hợp đồng cầm đồ ngày 13/4/2025 (đang lưu hồ sơ vụ án).

Về dân sự: Buộc bị cáo Võ Văn D, Đoàn Trọng N mỗi bị cáo bồi thường cho Hộ kinh doanh T số tiền 10.000.000 đồng. Việc các bị cáo bồi thường cho bị hại phải thực hiện ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc thi hành án thì còn phải trả thêm tiền lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo D và N mỗi bị cáo còn phải chịu thêm 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và đương sự có mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV10. TPHCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam khu vực Bình Trị Đông (cơ sở);
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS.KV10-TP.HCM
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Trại tạm giam đang giam, giữ bị cáo;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Sơn